

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày 18-3-2025

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Quyết

Bà Nguyễn Thị Tâm.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Công Khanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, Thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 158/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên toà số: 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thanh T; đăng ký thường trú: Khu phố T, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: KDC Đ, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng, vắng mặt (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến D; đăng ký thường trú: Khu phố T, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: KDC Đ, thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn là chị Ngô Thị Thanh T trình bày:

Chị và anh Nguyễn Tiến D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng vào ngày 11/11/2011. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 11 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong tình cảm, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không tôn trọng nhau. Mặc dù đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến D.

Về con chung: Chị và anh D có 03 con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 04/6/2012; Nguyễn Hà P1, sinh ngày 19/12/2016 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 13/8/2019. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con chị xin tự thoả thuận với anh D, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Tiến D vắng mặt toàn bộ quá trình tố tụng và không có quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành xác minh xác định được:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, điều kiện kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như nội dung chị T trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung trong tình cảm, tâm sinh lý, hiện vợ chồng đã sống ly thân không quan tâm đến nhau.

Về con chung: Anh D1 và chị T có 03 con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 04/6/2012; Nguyễn Hà P1, sinh ngày 19/12/2016 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 13/8/2019.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xác định được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về Ly hôn, tranh chấp nuôi con là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử, xử cho chị Ngô Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Tiến D; về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 04/6/2012 và Nguyễn Hà P1, sinh ngày 19/12/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung Nguyễn Đức M, sinh ngày 13/8/2019 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con do chị T và anh D không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết. Về án phí: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Ngô Thị Thanh T có đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Tiến D có nơi cư trú tại thị trấn V, huyện V, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án Hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo; Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan; nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Thanh T và anh Nguyễn Tiến D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn V, thành phố Hải Phòng vào ngày 11/11/2011. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị T và anh D chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T xin ly hôn, anh D không có quan điểm về việc ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh D đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do

trở ngại khách quan, qua xác minh tại địa phương và gia đình anh D xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D như nội dung chị T trình bày là đúng từ đó xác định được mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Thị Thanh T xin ly hôn với anh Nguyễn Tiến D.

[4] Về con chung: Chị T và anh D có 03 con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 04/6/2012; Nguyễn Hà P1, sinh ngày 19/12/2016 và Nguyễn Đức M, sinh ngày 13/8/2019. Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung; anh D không có quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, 02 con chung là Nguyễn Minh P và Nguyễn Hà P1 đều đã trên 7 tuổi, đều là nữ và có nguyện vọng được ở với chị T; cháu Nguyễn Đức M đã trên 36 tháng tuổi và là N; chị T và anh D đều có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung tốt. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Giao 02 con chung là Nguyễn Minh P và Nguyễn Hà P1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Đức M cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng như đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp. Việc cấp dưỡng nuôi con, do chị T và anh D tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh D không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Ngô Thị Thanh T được ly hôn anh Nguyễn Tiến D.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Minh P, sinh ngày 04/6/2012 và Nguyễn Hà P1, sinh ngày 19/12/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật;

giao con chung Nguyễn Đức M, sinh ngày 13/8/2019 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thoả thuận, không xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai thu số 0009488 ngày 18/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T và anh D vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- UBND thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo;
- Dương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ việc dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đức Vịnh